

VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN SỐ TRONG HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH DÂN SỐ HIỆN NAY

★ TS ĐỖ VĂN QUÂN

*Viện Kinh tế - Xã hội và Môi trường,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

● **Tóm tắt:** Vấn đề dân số đã được Đảng và Nhà nước ta quan tâm từ sớm. Trong quá trình xây dựng các chính sách và giải quyết vấn đề dân số, Đảng luôn đổi mới tư duy lý luận và thể hiện sự quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác dân số. Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vấn đề dân số trong tiến trình cách mạng Việt Nam là tầm nhìn từ xa, từ sớm, là tư duy từ bản chất mang tính quy luật hệ thống đến tổng thể và đồng bộ. Bài viết làm rõ quan điểm của Hồ Chí Minh về vấn đề dân số và sự vận dụng trong hoàn thiện chính sách dân số của Việt Nam trong bối cảnh mới.

● **Từ khóa:** quan điểm, tầm nhìn; vấn đề dân số; chính sách dân số; tư tưởng Hồ Chí Minh.

1. Mở đầu

Quan điểm của Hồ Chí Minh về vấn đề dân số được thể hiện bằng hệ thống quan điểm khoa học và tư duy sáng tạo, thể hiện tầm nhìn xa của Hồ Chí Minh về phát triển con người, phát triển đất nước Việt Nam bền vững. Vấn đề dân số được Người gắn với tổng thể tiến trình cách mạng Việt Nam, cho thấy vấn đề chính sách dân số được Người xây dựng vừa như động lực, vừa như mục tiêu phát triển con người Việt Nam toàn diện.

Việt Nam bước vào kỷ nguyên phát triển mới đòi hỏi phải có chủ trương, chính sách phù hợp với thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng dân số. “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những *con người xã hội chủ nghĩa*”⁽¹⁾. Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và cũng vì mục tiêu dân số và phát triển dân số của đất nước. Khi xây dựng chính sách, kế hoạch, Người luôn

nghiên cứu và xem xét đến vấn đề quy mô, cơ cấu và chất lượng dân số.

Trong quá trình phát triển, các mục tiêu của chính sách dân số luôn thay đổi qua các giai đoạn. Trong giai đoạn mới, chúng ta cần quan tâm đầy đủ, toàn diện về số lượng, chất lượng và cấu trúc dân số. Với quá trình toàn cầu hóa hiện nay, việc xây dựng và hoàn thiện chính sách dân số cần lưu ý những thách thức mới như: vấn đề nhập cư, đô thị hóa, già hóa dân số, tỷ suất sinh, chênh lệch giới... hướng tới “Xây dựng và thực thi có hiệu quả chính sách dân số và phát triển, phát huy lợi thế dân số vàng, đồng thời chuẩn bị các điều kiện thích ứng với già hóa dân số, nâng cao chất lượng dân số, gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bảo đảm mức tăng dân số hợp lý và cân bằng giới tính khi sinh. Nâng cao chất lượng xây dựng và thực hiện hiệu quả các chính sách về dinh dưỡng, an toàn thực phẩm, bảo vệ, chăm sóc sức

khỏe và tầm vóc người Việt Nam, bảo đảm toàn dân đều được quản lý, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe. Nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em”⁽²⁾; “Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc; giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế; có chính sách cụ thể phát triển văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam”⁽³⁾ được nêu trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng là sự kế thừa, phát triển xuất sắc vấn đề dân số từ tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Nội dung

2.1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vấn đề dân số trong tiến trình cách mạng Việt Nam

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, dân số có vai trò đặc biệt quan trọng, là một trong những yếu tố quyết định cho sự phát triển hay suy giảm của mọi nguồn lực. Điều này được thể hiện cụ thể trên các phương diện sau:

Thứ nhất, công cuộc giải phóng dân tộc là nhằm bảo toàn quy mô dân số và xây dựng con người cả về vật chất lẫn tinh thần. Với Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH và cũng vì mục tiêu dân số và phát triển chất lượng dân số của Việt Nam. Vì vậy, trước khi xây dựng chính sách, Hồ Chí Minh đều nghiên cứu và xem xét tới vấn đề dân số. Hồ Chí Minh đã nhận thức khoa học và hiện đại về phát triển xã hội. Người quan niệm, xã hội là sự thống nhất biện chứng trong các lĩnh vực cơ bản, đó là kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Dân số chính là “con người”, là biến số đầu vào cũng

như là mục tiêu kết quả hướng tới của toàn bộ quá trình phát triển.

Năm 1946, khi trả lời phỏng vấn các nhà báo nước ngoài, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”⁽⁴⁾. “Ham muốn tột bậc” là câu nói thể hiện mục tiêu hành động nhất quán của Người vì sự phát triển toàn diện con người Việt Nam, trong đó có phát triển chính sách dân số.

Với Hồ Chí Minh, mọi chủ trương, đường lối cách mạng đều bắt đầu từ con người, vì con người; con người vừa là lực lượng, là động lực chủ yếu, trực tiếp vừa là mục tiêu của lịch sử xã hội. Người khẳng định: “Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”⁽⁵⁾.

Thứ hai, tư duy và tầm nhìn của Hồ Chí Minh về vấn đề dân số chính là những động lực chính trị - tinh thần cơ bản nhằm phát huy cao độ nguồn lực con người vào hoạt động cách mạng và hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, bao gồm giá trị truyền thống dân tộc, văn hóa, học vấn, trí tuệ, dân chủ, chế độ chính trị - xã hội. Người viết: “Không có chế độ nào tôn trọng con người, chú ý xem những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thỏa mãn bằng chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa”⁽⁶⁾.

Bằng những khảo cứu thực tiễn, Hồ Chí Minh bổ sung nhiều quan điểm về các yếu tố tác động đến chất lượng dân số ngoài yếu tố kinh tế (ví dụ: sự mâu thuẫn giai cấp, mâu thuẫn

thuộc địa - chính quốc; sự áp bức, bóc lột của các chế độ cai trị lên đông đảo quần chúng nhân dân..., hay sự tàn độc của các phương thức chiến tranh dẫn đến sự suy thoái nòi giống trầm trọng). Bên cạnh đó, sự biến động về dân số không chỉ phản ánh tình trạng biến động của mức sinh, mức chết trong một quy mô dân số mà còn có những nguyên nhân trực tiếp, cơ học và xuất phát từ các cuộc chiến tranh, các cuộc khai phá thuộc địa hoặc âm mưu chia rẽ của đế quốc, thực dân dẫn đến tử vong, di cư.

Hồ Chí Minh đã nêu ra tình trạng bất bình đẳng cao độ giữa các chủ thể kinh tế khi đó, đó là nguồn gốc cơ bản của sự mâu thuẫn xã hội gay gắt giữa các ông chủ tư bản với giai cấp công nhân, giữa địa chủ với người dân lao động. Trong *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Người tập trung phê phán chế độ cai trị của thực dân Pháp đã làm giảm số lượng và chất lượng dân số ở các nước thuộc địa, đời sống của người dân lao động: “Ăn uống thiếu thốn đã làm cho họ mắc đủ thứ bệnh tật và chết rất nhiều, nhất là trẻ con”⁽⁷⁾. Chính sự tàn khốc của chiến tranh và sự cai trị tàn độc của chế độ thực dân là nguyên nhân trực tiếp của sự biến động giảm quy mô dân số, cũng là nguyên nhân làm thay đổi chất lượng dân số (mất cân bằng tỷ số giới tính trong lực lượng lao động, giảm tuổi thọ bình quân).

Như vậy, trong quan điểm của Hồ Chí Minh về dân số phản ánh cả về mặt khoa học (mức sinh, mức chết, tỷ lệ cân bằng giới tính...) và tư duy nhân đạo, thể hiện qua những đánh giá của Người về bản chất, nguyên nhân căn bản của sự biến động dân số, những yếu tố tác động đến chất lượng cuộc sống ở các nước thuộc địa.

Thứ ba, tư duy và tầm nhìn của Hồ Chí Minh về các vấn đề cụ thể của dân số, như: quy mô, trình độ, chất lượng, cơ cấu dân số..., chính là biểu hiện sinh động thể hiện điều kiện đặc thù để vận

dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào cách mạng Việt Nam. Người viết: “Đó là những chỉ thị đặc biệt quý báu đối với một nước như nước chúng tôi là nơi 90% dân số sống về nghề nông, là nơi còn tồn tại rất nhiều những tàn tích của chế độ phong kiến quan lại thối nát”⁽⁸⁾. Như vậy, dân số chính là nguồn lực cơ bản của các cuộc cách mạng. Do đó, việc phát huy nguồn lực này hiệu quả chính là tạo ra động lực to lớn và cũng là mục tiêu cuối cùng của các cuộc cách mạng.

Để thực hiện mục tiêu công bằng, bình đẳng và tiến bộ xã hội, theo Hồ Chí Minh, chính sách dân số không thể không dựa trên cơ sở của cơ cấu xã hội - giai cấp. Vì đối tượng tác động của chính sách dân số theo nghĩa rộng bao gồm cả ba dạng vận động: vận động xã hội (từ nhóm xã hội này sang nhóm xã hội khác hoặc nâng cao chất lượng của nhóm về mặt xã hội), vận động tự nhiên (sinh đẻ, tử vong) và vận động cơ học (di cư theo lãnh thổ).

Khi đất nước giành được độc lập (năm 1945) và sau chiến thắng Điện Biên Phủ (năm 1954), để xây dựng CNXH ở miền Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã yêu cầu phải điều tra dân số nhằm mục đích: “Chính phủ phải biết rõ miền Bắc ta có bao nhiêu người, mỗi tỉnh có bao nhiêu đàn ông, đàn bà, cụ già, trẻ em, thì mới rõ cần bao nhiêu lương thực, vải vóc, thuốc men, giấy bút, v.v., để cung cấp cho nhân dân; cần xây dựng bao nhiêu nhà thương, trường học, v.v., để phục vụ nhân dân. Nói tóm lại: Việc điều tra dân số là nhằm mục đích phục vụ lợi ích của nhân dân”⁽⁹⁾. Tư duy và tầm nhìn điển hình của Người trong lĩnh vực công tác dân số chính là tư tưởng về thống kê số liệu dân cư và luôn xem xét các yếu tố dân số khi lập các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội có ý nghĩa lớn trong phát triển đất nước và thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Năm 1961, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đang ở giai đoạn đặc biệt khó khăn, tuy nhiên, với tư duy, tầm nhìn vượt thời đại, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh phải thực hiện các biện pháp kiểm soát mức sinh bằng việc chỉ đạo Chính phủ ban hành Quyết định số 216/CP ngày 26-12-1961 về sinh đẻ có hướng dẫn. Việt Nam trở thành một trong những quốc gia đầu tiên ở châu Á thực hiện chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Thứ tư, quan điểm của Hồ Chí Minh về dân số còn được thể hiện ở phương thức xây dựng và tổ chức thực hiện các mục tiêu của chính sách dân số trong tiến trình cách mạng Việt Nam, lấy con người làm gốc, làm xuất phát điểm và đích hướng tới của chính sách dân số. Làm cách mạng là để đem lại tự do, hạnh phúc cho dân, tạo dựng sự công bằng cho dân, là để nhân dân trở thành người chủ đất nước. Đối tượng của chính sách dân số là con người, các nhóm xã hội, cộng đồng xã hội và các quan hệ xã hội của họ. Vì vậy, chính sách dân số hướng vào những nhu cầu, lợi ích, nguyện vọng của các giai cấp, các tầng lớp, các nhóm xã hội, các cộng đồng dân tộc (lớn hay nhỏ), các tôn giáo và những quan hệ giữa các tổ chức xã hội đó. Chính sách phát triển dân số phải phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và gắn với chính sách phát triển kinh tế, đây là nhiệm vụ hàng đầu của đất nước.

Ngay từ những ngày đầu thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, cùng với việc đề ra các nhiệm vụ, chính sách cấp bách cho Nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khéo léo phối hợp giữa các chính sách với nhau, trong đó có chính sách dân số và tất cả những nhiệm vụ cấp bách đó có nhiệm vụ nâng cao không ngừng trình độ văn hóa, giáo dục, trình độ nghề nghiệp cho dân cư, góp phần thúc đẩy sự phát triển con người một cách toàn diện. Hồ Chí Minh chỉ ra:

“Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ. Chúng ta phải thực hiện ngay: 1) Làm cho dân có ăn; 2) Làm cho dân có mặc; 3) Làm cho dân có chỗ ở; 4) Làm cho dân có học hành”⁽¹⁰⁾.

Theo Hồ Chí Minh, việc hoạch định và thực hiện chính sách dân số và nâng cao chất lượng dân số của mỗi quốc gia có ý nghĩa rất quan trọng, chúng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, đây là sự cụ thể hóa và thể chế hóa những đường lối, chủ trương của Đảng để giải quyết các vấn đề xã hội, phản ánh lợi ích và trách nhiệm của cộng đồng xã hội nói chung và của từng nhóm xã hội nói riêng, nó bao trùm mọi mặt của cuộc sống con người, điều kiện lao động và sinh hoạt, giáo dục và văn hóa, quan hệ gia đình, quan hệ giai cấp và quan hệ xã hội...

Thứ năm, Hồ Chí Minh luôn quan tâm và xác định giáo dục và việc tự rèn luyện của mỗi người là một giải pháp bền vững, từ sớm, từ xa, từ gốc nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và chất lượng dân số của đất nước. Theo Hồ Chí Minh: “Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân (...). Trong xã hội, không có gì tốt đẹp, vẻ vang bằng phục vụ cho lợi ích của nhân dân”⁽¹¹⁾ và: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì nhất định phải có học thức. Cần phải học văn hóa, chính trị, kỹ thuật”⁽¹²⁾. Do đó: “Một trong những công việc phải thực hiện cấp tốc trong lúc này là nâng cao dân trí”⁽¹³⁾, bởi không một quốc gia nào có thể tiến hành xây dựng một chế độ xã hội mới và bảo vệ Tổ quốc thành công trong điều kiện văn hóa, dân trí, đạo đức, tinh thần xã hội lại thấp kém.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến sức khỏe của của toàn dân trong xây dựng con

người Việt Nam, bởi: “Giữ gìn dân chủ, xây dựng nước nhà, gây đời sống mới, việc gì cũng cần có sức khỏe mới làm thành công”⁽¹⁴⁾. Ở mọi lúc, mọi nơi, mọi công việc đều cần đến sức khỏe, có sức khỏe là có tất cả. Sức khỏe của mỗi cá nhân có mối quan hệ mật thiết đến vận mệnh của quốc gia, dân tộc: “Mỗi một người dân yếu ớt, tức là cả nước yếu ớt, mỗi một người dân mạnh khỏe, tức là cả nước mạnh khỏe... Dân cường thì quốc thịnh”⁽¹⁵⁾. Hồ Chí Minh quan niệm, sức khỏe, thể lực của con người chỉ toàn diện khi có sự lành mạnh cả về thể chất và tinh thần. Mặt thể chất và mặt tinh thần có quan hệ gắn bó và tác động qua lại lẫn nhau. Theo Người: “Sức khỏe của cán bộ và nhân dân được bảo đảm thì tinh thần càng hăng hái. Tinh thần và sức khỏe đầy đủ thì kháng chiến càng nhiều thắng lợi, kiến quốc càng mau thành công”⁽¹⁶⁾.

2.2. Hoàn thiện chính sách dân số của Việt Nam trong bối cảnh mới theo quan điểm của Hồ Chí Minh

Một là, cần nghiên cứu, xem xét, tiến tới hợp nhất Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030, Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030 và Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030 thành Chiến lược phát triển dân số - gia đình và bình đẳng giới ở Việt Nam đến năm 2030. Đồng thời, cần nghiên cứu xem xét tiến tới hợp nhất Luật Hôn nhân và gia đình và Luật Dân số thành Luật Dân số, Hôn nhân và gia đình. Bên cạnh đó, cần nghiên cứu, xem xét việc hợp nhất Ban Chỉ đạo quốc gia về dân số thành Ban Chỉ đạo quốc gia về dân số và gia đình Việt Nam. Đồng thời, các nhà hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật cần hướng đến xây dựng chính sách, dự thảo luật, các văn bản quy phạm pháp luật ở tất cả các khía cạnh tác động đến con người (từ khi còn là bào thai cho đến khi được sinh ra và chết đi).

Hai là, cần thay đổi triết lý phát triển quốc gia, dân tộc, trong đó không lấy mục tiêu tăng trưởng GDP cao, liên tục nhiều năm làm mục tiêu hàng đầu và thuần túy mà cần lấy mục tiêu sự hài lòng, hạnh phúc của nhân dân và dân tộc trường tồn làm mục tiêu cao nhất. Tăng cường mối quan hệ và nâng cao vai trò của các chủ thể Nhà nước, thị trường và xã hội trong hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách về dân số và phát triển của đất nước. Để các cặp vợ chồng có đủ thu nhập để nuôi 2 con và cho con đi học đến 18 tuổi thì không thể chỉ dựa vào sự hỗ trợ của Nhà nước mà phải có chính sách tiền lương phù hợp với thực tiễn đời sống của người dân lao động.

Ba là, cần chủ động nghiên cứu từ sớm, từ xa, từ bản chất quy luật mang tính tổng thể, đồng bộ của vấn đề dân số trong mối quan hệ với mục tiêu phát triển nhanh, hài hòa và bền vững của đất nước. Do đó, cần có nghiên cứu, thảo luận rộng rãi trong toàn Đảng và hệ thống chính trị, các tầng lớp nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp về mục tiêu phát triển đất nước bền vững trong tương lai. Để phòng tránh nguy cơ khi từ nước thu nhập trung bình thành nước thu nhập cao, Việt Nam phải bảo đảm vững chắc mức sinh thay thế, giữ quy mô dân số phù hợp đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực ngày càng cao.

Bốn là, cần xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách cải cách tiền lương, thuế thu nhập cá nhân, thuế sở hữu bất động sản, nhà ở, giáo dục, y tế, bảo hiểm xã hội... với sự kết hợp đồng bộ, hài hòa, liên thông với nhau để phát triển. Bên cạnh đó, vấn đề nhà ở cho người lao động cần có sự hỗ trợ và giám sát của Nhà nước để người lao động có thể thuê hoặc mua được nhà với giá phù hợp với thu nhập. Điều kiện làm việc, chế độ nghỉ thai sản, chế độ lương và thưởng tiến ở doanh nghiệp cần có sự hài hòa để tránh tạo ra xung đột giữa việc làm - gia đình - sinh con.

Năm là, với bối cảnh các nước phát triển trên thế giới đang phải đối mặt với xu hướng già hóa dân số - hệ lụy xã hội của quá trình tăng trưởng kinh tế nhanh trong thời gian dài; những giới hạn của mục tiêu và thời gian thực hiện chính sách dân số kiểm soát mức sinh... thì việc xây dựng và ban hành chính sách dân số cần chú ý đến tính khả thi và các giải pháp bảo đảm các mục tiêu: (1) Duy trì mức sinh thay thế vững chắc, 2,1%; (2) Giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh và đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; (3) Thích ứng với già hóa dân số, dân số già, dân số siêu già, chỉ số già hóa dân số cao; (4) Bảo đảm mật độ, phân bố dân số hợp lý với điều kiện, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng của đất nước; (5) Nâng cao chất lượng dân số gắn liền với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; (6) Lồng ghép các yếu tố dân số trong tổng thể kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và từng địa phương.

3. Kết luận

Quan điểm, tầm nhìn của Hồ Chí Minh về vấn đề dân số có ý nghĩa chiến lược, vượt thời đại, có giá trị to lớn, mang tính thực tiễn sâu sắc với quá trình phát triển đất nước hiện nay và lâu dài. Trong suốt cuộc đời, Hồ Chí Minh luôn quan tâm tới vấn đề con người, đặt lợi ích con người, lợi ích của nhân dân lên trên hết. Bởi theo Người, làm cách mạng là giải phóng con người, mang lại cuộc sống tự do, ấm no, hạnh phúc cho con người. Đặt con người vào trung tâm của các hoạt động, xác định mục tiêu, ban hành chính sách phải hướng tới mục tiêu cốt lõi vì con người là tư tưởng chủ đạo của Hồ Chí Minh về chính sách dân số của Việt Nam.

Do đó, trong điều kiện hiện nay cần tiếp tục nghiên cứu, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách dân số. Trong quá

trình xây dựng chính sách, các nhà hoạch định chính sách cần vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân số luôn được đặt trong mọi kế hoạch phát triển để xem xét tính đầy đủ và các tác động qua lại giữa dân số và phát triển. Cần nghiên cứu và đưa luận điểm này thành một chính sách trong Luật Dân số. Đồng thời, các cấp ủy Đảng, chính quyền, đội ngũ cán bộ từ cơ sở đến Trung ương cần quán triệt đầy đủ, sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về *cần có số liệu dân số chính xác theo yêu cầu của lập kế hoạch phát triển*; trong đó, mấu chốt là cần loại bỏ những sai sót trong thu thập, xử lý thông tin, đẩy mạnh phân tích và dự báo dân số để có số liệu tin cậy phục vụ cho công tác dân số và phát triển cũng như mục tiêu phát triển con người, đất nước Việt Nam toàn diện trong kỷ nguyên mới □

Ngày nhận bài: 19-01-2025; Ngày bình duyệt: 12-9-2025; Ngày duyệt đăng: 24-9-2025.

Email tác giả: quandonh1976@gmail.com

- (1), (12) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.13, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.66, 90.
- (2), (3) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.151, 202.
- (4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, Sđd, tr.187.
- (6) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.11, Sđd, tr.610.
- (5) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.6, Sđd, tr.232.
- (7) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.1, Sđd, tr.309.
- (8) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.9, Sđd, tr.411.
- (9) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.12, Sđd, tr.492.
- (10), (13), (14), (15) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, Sđd, tr.175, 40, 241, 241.
- (11) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.10, Sđd, tr.453.
- (16) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.8, Sđd, tr.154.